TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly -Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn ĐT, xã DM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn HK, xã HN, huyện VB , thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Bùi Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện VB thành phố Hải Phòng vào ngày 05-12-2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ

tháng 12/2015 chị P đã tự bỏ về gia đình ở xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh P.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Minh P có 01 con chung là Bùi Thị Ngân K , sinh ngày 03-8-2015 hiện nay đang ở với chị P . Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị Minh P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị Minh P xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh C trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì xảy mâu thuẫn do anh C thường xuyên đánh đập chị và không chịu lao động. Vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt nên từ tháng 12/2015 đến nay chị đã đưa con về gia đình ở xã HN, huyện VB , thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, nay anh C xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn C có 01 con chung là Bùi Thị Ngân K , sinh ngày 03-8-2015 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản: Chị và anh Bùi Văn C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh C vẫn giữ nguyên lời trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P . Về con chung: Anh C đề nghị Tòa giao con chung Bùi Thị Ngân K , sinh ngày 03-8-2015 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản: Anh và chị P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng

mặt bị đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp cả 02 lần và phiên tòa mặc dù có đơn xin vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại cả 02 phiên họp, phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh P. Về con chung: Xử giao con chung Bùi Thị Ngân K , sinh ngày 03-8-2015 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2018, thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Anh C và chị P không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Bùi Văn C phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Minh P.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Thị Minh P kết hôn ngày 05-12-2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện VB thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 12/2015 chị P đã đưa con về gia đình chị ở xã HN, huyện VB , thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan quan tâm đến nhau. Nay anh C

nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P . Chị P vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị P xác định tình nghĩa vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Bùi Văn C xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh P phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Thị Minh P có 01 con chung là Bùi Thị Ngân K , sinh ngày 03-8-2015. Khi ly hôn anh C và chị P cùng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu, đề nghị giải quyết về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của anh C và chị P thì thấy hiện nay con chung đang ở với chị P , cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của anh C giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.Về mức cấp dưỡng chấp nhận sự tự nguyện của anh C, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ. Khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2018 là phù hợp.

[5] Về tài sản: Anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Thị Minh P không có tài sản chung, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Anh Bùi Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh P.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Bùi Thị Ngân K , sinh ngày 03-8-2015 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2018. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản: Anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Thị Minh P không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh C đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015948 ngày 26-3-2018. Anh Bùi Văn C còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã ĐM huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền